

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày 03 tháng 4 năm 2019
*V/v tranh chấp về bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng “Thiệt hại do
sức khỏe bị xâm phạm”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Giang; ông Y Chen MLô.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Trần Hòa Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 103/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2018 tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng “Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Hồ Thị L sinh năm 1982. Địa chỉ: thôn 6, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Bà L có mặt tại phiên tòa.

2. Các bị đơn:

- Bà Trần Thị Tsinh năm 1983. Địa chỉ: thôn 6, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Bà T có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị T: ông Hoàng Văn C là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Ông C có mặt tại phiên tòa.

- Bà Trần Thị Thu H sinh năm 1988. Địa chỉ: thôn 6, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Bà H có mặt tại phiên tòa.

3. Những người làm chứng:

- Ông Nguyễn Thái Du sinh năm 1979. Địa chỉ: thôn 10, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Ông D có mặt tại phiên tòa.

-Ông Hồ Văn T. Địa chỉ: thôn 10, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Ông T vắng mặt tại phiên tòa.

-Ông Nguyễn Xuân N sinh năm 1982. Địa chỉ: thôn 6, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Ông N có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Hồ Thị L trình bày:

Sáng ngày 16 tháng 10 năm 2018, bà L mượn bà H chiếc cuốc vét. Bà H dẫn bà L, sử dụng cuốc cào đất, không cào đá. Thấy thợ hồ làm giúp cho gia đình bà L dùng cuốc để cào vữa, đá, bà H tức giận đòi cuốc mang về nhà. Bà L sang nhà bà H nói để bà L mài lại cuốc hoặc bà L mua cuốc khác đền cho bà H, hàng xóm với nhau có gì mà quá quắt vậy. Bà T (chị bà H) nói bà với L “Mày nói vậy là ngu, ngon thì mày mua cái cuốc khác trả cho nó”.

Bà L và bà T cãi nhau, bà T kéo tay bà L ra đường để đánh nhau nhưng không được. Bà T dùng tay giật tóc bà L ghì xuống, đấm, đá bà L và bà H cũng xông vào đánh bà L tới tấp vào mặt, người, bụng bà L, sau đó được người khác can ngăn. Bà L bị sung mặt, đau đầu và toàn thân. Bà L điều trị ở bệnh viện đa khoa huyện M’Đrăk 09 ngày. Bà L không đi giám định sức khỏe và không yêu cầu truy tố bà H và bà T. Bà L yêu cầu bà T và bà H phải bồi thường cho bà L, bao gồm các khoản:

- Tiền thuốc: 446.000 đồng (01 đơn thuốc, bà L mua nhiều lần);
- Tiền mất thu nhập của bà L và người chăm sóc bà L trong thời gian điều trị: 9 ngày x 300.000đồng/ngày x 2 = 5.400.000 đồng;
- Tiền xăng xe đi lại trong thời gian điều trị: 9 ngày x 100.000đồng/ngày = 900.000đồng.
- Tiền sức khỏe bị xâm phạm và tiền bồi dưỡng: 3.000.000đồng;
- Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần: 5.000.000đồng.

Tổng cộng là 14.746.000đồng, cụ thể bà T và bà H mỗi người phải bồi thường cho bà L 7.373.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, bà L yêu cầu bà H và bà T phải bồi thường 16.354.000đồng. Tuy nhiên, tiền thuốc tại Bệnh viện, bà L được Bảo hiểm y tế thanh toán, nên bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện là 1.608.000đồng.

* Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn là bà Trần Thị T và bà Trần Thị Thu H trình bày:

Do bức xúc trước cử chỉ và lời nói của bà L, bà T xô xát với bà L, cả hai người đều bị thương, xây xát nhẹ. Bà T không đi viện điều trị thương tích. Bà H không đánh bà L, bà H chỉ can ngăn bà L và bà T đánh nhau. Thực tế, bà L chỉ nằm viện 03 ngày, sau đó bà L về nhà, buổi sáng vẫn bán bánh mỳ, rồi ra Bệnh viện, tối tự về, không cần người chăm sóc. Theo biên bản hòa giải ngày 07/11/2018 tại Ủy ban nhân

dân xã E, bà L yêu cầu bà H và bà T phải bồi thường 5.850.000đồng, nhưng bà T và bà H chỉ chấp nhận bồi thường cho bà L 4.260.000đồng. Bà L bị thương cũng có liên quan đến bà H, nên bà H và bà T chỉ chấp nhận bồi thường cho bà L 3.000.000đồng (mỗi người bồi thường cho bà L 1.500.000đồng).

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: sau khi xô xát nhau, các bên đều bị xây xát nhẹ. Bà L bị thương là do lỗi hỗn hợp, lỗi bà L là 30%, lỗi bà H và bà T là 70%. Nên bà H và bà T chỉ phải bồi thường cho bà L tương ứng với mức độ lỗi của mình đã gây ra. Những khoản tiền bà L yêu cầu bồi thường là cao, không phù hợp với thiệt hại thực tế xảy ra, như tiền mất thu nhập của bà L và người chăm sóc bà L trong thời gian điều trị (bà L thuộc diện cận nghèo), tiền tổn thất về tinh thần, tiền bồi dưỡng, tiền thuốc. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự để tính toán xem xét cho phù hợp, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bà L.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa, các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Về nội dung: qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn 5.033.000đồng, mỗi bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn $\frac{1}{2}$ số tiền 5.033.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

Nguyên đơn (bà Hồ Thị L) khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn (bà Trần Thị T và bà Trần Thị Thu H) phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm. Đây là tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp. Bị đơn cư trú tại huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với các bị đơn về 1.608.000đồng tiền thuốc. Áp dụng khoản 2 Điều 244 BLTTDS, HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải bồi thường 1.608.000đồng tiền thuốc.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn và các bị đơn đều thừa nhận ngày 16/10/2018, do mâu thuẫn trong việc nguyên đơn mượn cuộc của bị đơn bà H, các bên xảy ra xô xát. Các bị đơn dùng tay đánh, gây thương tích (xây xát nhẹ) cho nguyên đơn, nguyên đơn phải điều trị ở Bệnh viện huyện M'Đrăk 09 ngày là có thực.

[2.2] Các bị đơn gây thương tích cho nguyên đơn là hành vi trái pháp luật, lỗi thuộc về các bị đơn cùng gây ra, nên các bị đơn phải có trách nhiệm liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại cho nguyên đơn. Do không xác định được mức độ lỗi của mỗi bị đơn, nên buộc mỗi bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn là ngang nhau theo quy định tại Điều 585, Điều 587 Bộ luật dân sự. Xét những khoản tiền nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải bồi thường là cao so với thực tế thiệt hại đã xảy ra. HĐXX cần áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự, để xem xét, tính toán lại cho hợp lý và buộc các bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn như sau:

- Tiền thuốc: 66.000 đồng (đơn thuốc chỉ áp dụng cho một lần Bác sỹ kê đơn);
- Tiền mất thu nhập của nguyên đơn và người chăm sóc nguyên đơn trong thời gian điều trị: $9 \text{ ngày} \times 140.000 \text{ đồng/ngày} \times 2 = 2.520.000 \text{ đồng}$;
- Tiền xăng xe đi lại trong thời gian điều trị: 500.000 đồng;
- Tiền bồi dưỡng: 900.000 đồng;
- Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần: 2.780.000 đồng (02 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử $1.390.000 \text{ đồng/tháng}$)

Tổng cộng buộc các bị đơn liên đới bồi thường cho nguyên đơn 6.766.000 đồng. Cụ thể, chia theo phần, bà T và bà H mỗi người có trách nhiệm bồi thường cho bà L 3.383.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu bà T và bà H liên đới bồi thường số tiền 7.980.000 đồng.

[3] Về án phí: các bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về một phần yêu cầu của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận, cụ thể bà H và bà T mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí DSST. Nguyên đơn phải chịu tiền án phí DSST tương ứng với phần yêu cầu không được HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên, bị đơn bà T thuộc diện nghèo, nguyên đơn bà L yêu cầu bồi thường về sức khỏe, nên bà L và bà T được miễn toàn bộ tiền án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 584, Điều 587 và Điều 590 Bộ luật dân sự; Điểm d, đ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị L:

Buộc bà Trần Thị T và bà Trần Thị Thu H phải liên đới bồi thường cho bà Hồ Thị L 6.766.000đồng tiền thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm. Cụ thể, chia theo phần: bà T và bà H, mỗi người phải có trách nhiệm bồi thường cho bà L 3.383.000đồng (Ba triệu ba trăm tám mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức thỏa thuận hoặc theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị L yêu cầu các bị đơn bà Trần Thị T và bà Trần Thị Thu H phải bồi thường 1.608.000đồng tiền thuốc.

3. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị L yêu cầu các bị đơn bà Trần Thị T và bà Trần Thị Thu H phải bồi thường 7.980.000đồng tiền thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm.

4. Về án phí:

- Bà Hồ Thị L và bà Trần Thị T được miễn toàn bộ tiền án phí DSST.

- Bà Trần Thị Thu H phải chịu 300.000đồng tiền án phí DSST.

5. Thông báo quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án DSST trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Đắk Lắk;

-VKSND huyện M'Đrăk;

-Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrăk;

-Các đương sự;

-Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương